

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 4 - 2023
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương và bà Vũ Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lê Thị Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: số nhà 04, tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Đoàn Đức H, sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: số 929, đường Th, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: số nhà 04, tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị Lê Thị Th có mặt, anh Đoàn Đức H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Th trình bày: chị và anh Đoàn Đức H được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 15/7/2000 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính tình. Từ đó dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên căng thẳng. Đến năm 2016 vì không thể chịu đựng được nên chị đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tuy nhiên qua quá trình hòa giải tại Tòa án thì chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn khởi kiện về thì giữa vợ chồng chị cũng không khắc phục được mâu thuẫn mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Từ năm 2020 cho đến nay chị và anh H sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, chị và anh H ăn riêng, ngủ riêng, không nói chuyện với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Đức H.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung: chị và anh Đoàn Đức H có 02 con chung là cháu Đoàn Đức A, sinh ngày 07/12/2000 và cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 27/10/2004. Hiện nay hai cháu Đoàn Đức A và Đoàn Minh Đ đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Lê Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Đoàn Đức H trình bày: anh và chị Lê Thị Th được tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/7/2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến 2016 anh không biết vì lý do gì chị Th có đơn xin ly hôn anh gửi Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp sau đó lại rút đơn về vợ chồng lại tiếp tục chung sống cùng nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do kinh tế vợ chồng bất đồng, sau khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị Th đã bỏ nhà đi khoảng 10 ngày thì về vợ chồng tiếp tục xảy ra va chạm và anh có tát chị Th một cái, từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã được hai bên gia đình động viên hòa giải, tuy anh và chị Th sống chung nhà nhưng anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không chuyện trò ăn uống sinh hoạt cùng nhau, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn khả năng vợ chồng về đoàn tụ là có nên chị Th xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn. Giả sử chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị chờ cho cháu Đoàn Đức A thi tốt nghiệp đại học xong thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về nuôi con chung: anh và chị Lê Thị Th có hai con chung là cháu Đoàn Đức A, sinh ngày 07/12/2000 và cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 27/10/2004. Hiện nay hai cháu Đoàn Đức A và Đoàn Minh Đ đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th xin ly hôn anh Đoàn Đức H.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Đoàn Đức H.

2/ Về nuôi con chung: chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H có 02 con chung là cháu Đoàn Đức A, sinh ngày 07/12/2000 và cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 27/10/2004. Hiện nay hai cháu Đức A và Minh Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Lê Thị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đoàn Đức H có Nơi ĐKKHTT: số 929, đường Th, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình và chỗ ở hiện nay: số nhà 04, tổ 20, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa ngày 27/3/2023 anh Đoàn Đức H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 07/4/2023 anh Đoàn Đức H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 15/7/2000 tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp tính tình, mâu thuẫn giữa anh chị trở nên căng thẳng. Đến năm 2016 chị Th đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H, tuy nhiên qua quá trình hòa giải tại Tòa án thì chị đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng xây dựng kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên sau khi chị rút đơn khởi kiện về thì giữa anh chị cũng không khắc phục được mâu thuẫn mà ngược lại mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Từ năm 2020 cho đến nay chị và anh H sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh H không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên chị Th cương quyết xin ly hôn anh H.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ghi lời khai của anh Đoàn Đức H thì bản thân anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm

trọng, anh và chị Th sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không chuyện trò ăn uống và sinh hoạt với nhau nhưng chị Th xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn. Ngoài ra anh H trình bày giả sử nếu chị Th cương quyết xin ly hôn anh thì anh đề nghị chờ khi nào cho cháu Đức A thi tốt nghiệp đại học xong thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại đơn trình bày ngày 18/01/2023 của cháu Đoàn Đức A là con chị Th, anh H trình bày “Trong quá trình chung sống chung, bố mẹ cháu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 nhưng do lúc đó các cháu còn nhỏ nên bố mẹ chưa ly hôn, nay cháu nhận thấy bố mẹ cháu không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn. Việc bố cháu trình bày chờ cháu thi xong tốt nghiệp đại học thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, tuy nhiên việc bố mẹ cháu ly hôn không làm ảnh hưởng gì đến việc học và thi tốt nghiệp của cháu”

Tại đơn trình bày ngày 18/01/2023 của cháu Đoàn Minh Đ là con chị Th, anh H trình bày “Trong quá trình chung sống chung, bố mẹ cháu phát sinh mâu thuẫn khoảng từ năm 2012 đến năm 2016 và mẹ cháu đã có đơn xin ly hôn bố cháu, tuy nhiên mẹ cháu lại tha thứ cho bố cháu, nhưng cháu thấy bố cháu không có thay đổi, nay cháu nhận thấy bố mẹ cháu không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 07/02/2023 tại tổ 20, phường Tr xác định quá trình sinh sống tại địa phương thì chị Th, anh H có một số mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, năm 2016 chị Th đã có đơn xin ly hôn anh H sau đó lại rút đơn về, anh chị vẫn chung sống với nhau bình thường. Đến cuối năm 2021 thì thấy anh H, chị Th cãi nhau và anh H có tát chị Th một cái, qua tìm hiểu thì được biết nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình.

Từ căn cứ trên xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nếu cứ níu kéo sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của mỗi người. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H có 02 con chung là cháu Đoàn Đức A, sinh ngày 07/12/2000 và cháu Đoàn Minh Đ, sinh ngày 27/10/2004. Hiện nay hai cháu Đoàn Đức A và Đoàn Minh Đ đã trưởng thành nên chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị Lê Thị Th và anh Đoàn Đức H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th xin ly hôn anh Đoàn Đức H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Đoàn Đức H.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002664 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Chị Lê Thị Th đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú